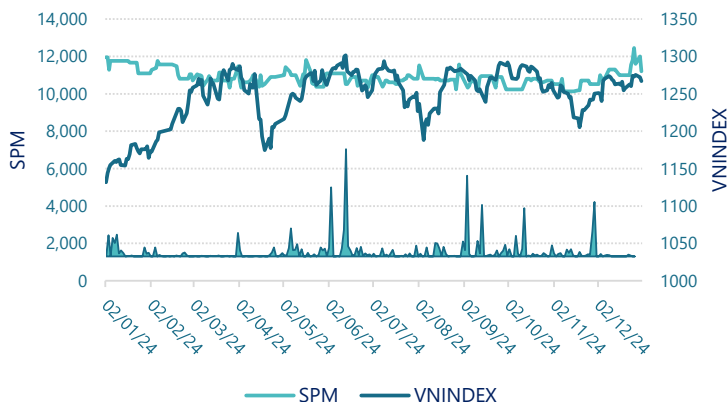


CTCP S.P.M (HSX: SPM)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	11,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,131
SL cổ phiếu LH	13,770,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,705
% sở hữu nước ngoài	2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	154
P/E	24.5
EPS	458

DT thuần

Q4/24

73.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.50 | -0.7%

YoY: ▼5.70 | -7.3%

LN sau thuế

Q4/24

10.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.98 | 733%

YoY: ▲ 9.82 | 2575%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

5.3%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

2024

298

tỷ VNĐ

YoY: ▼108 | -26.7%

LN sau thuế

2024

6.31

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.79 | -48.0%

ROE

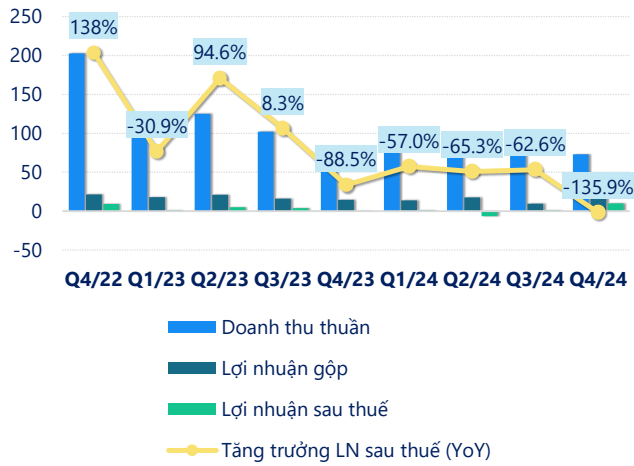
2024

0.8%

+/- YoY: ▼ 0.7%

tỷ VNĐ

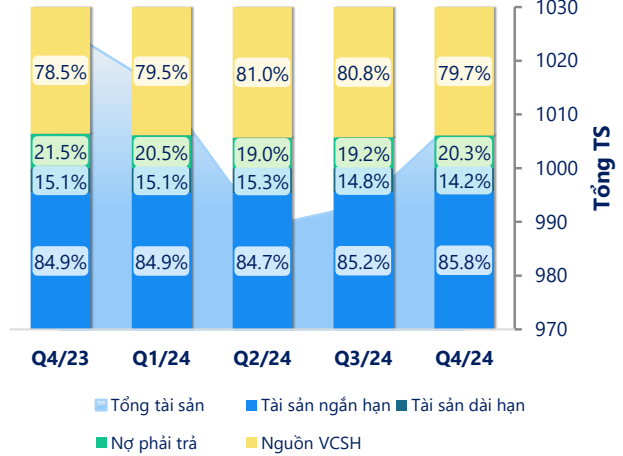
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

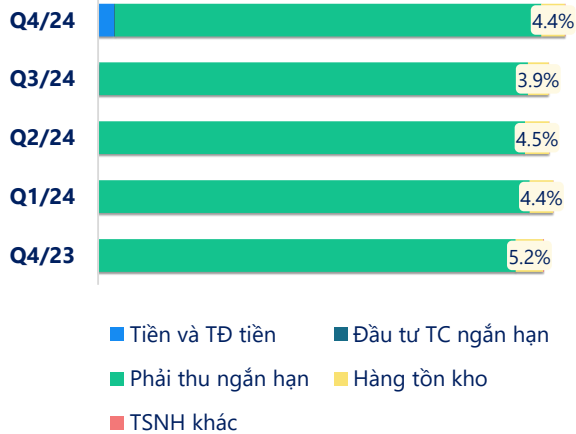
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



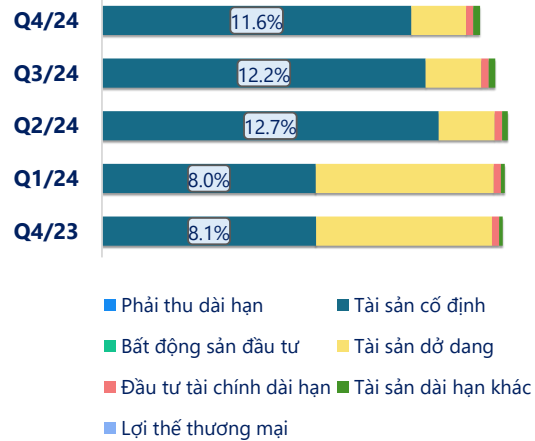
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

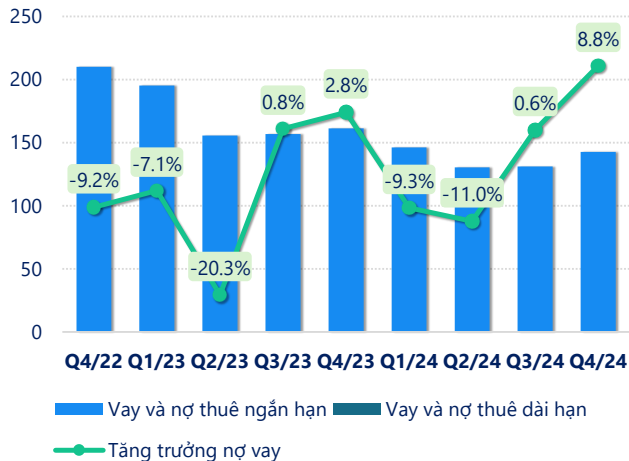
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

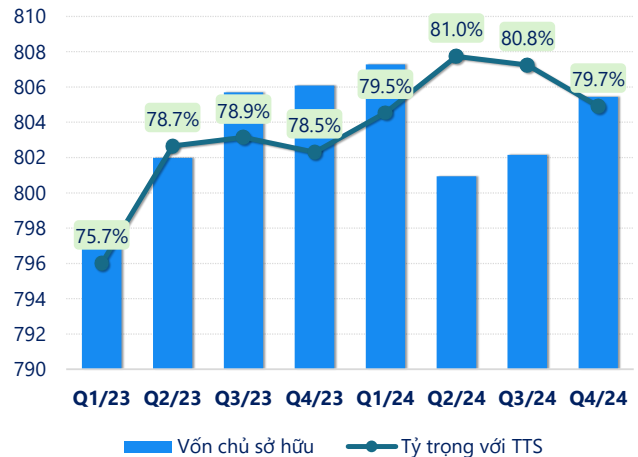
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

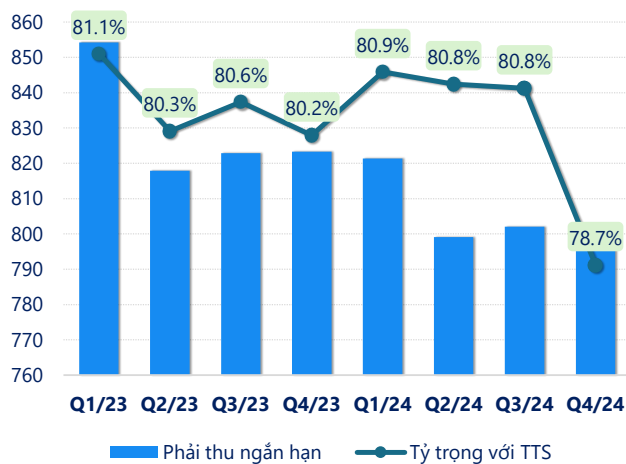
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



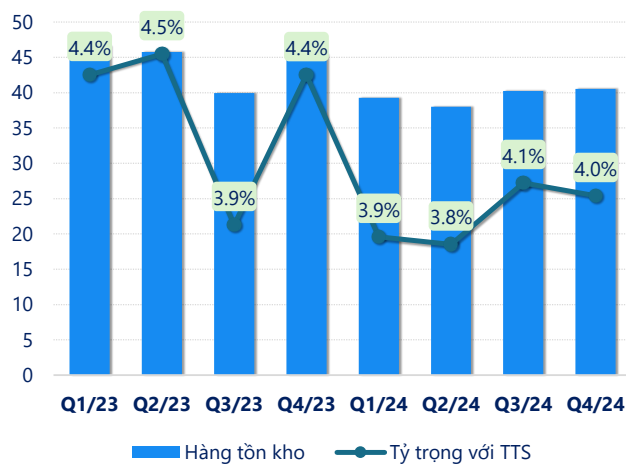
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


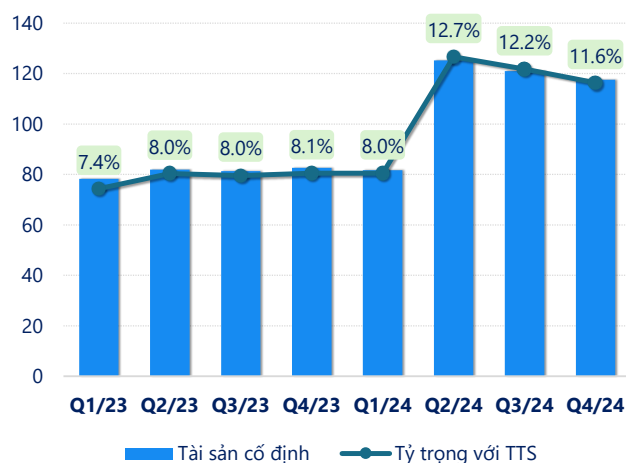
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


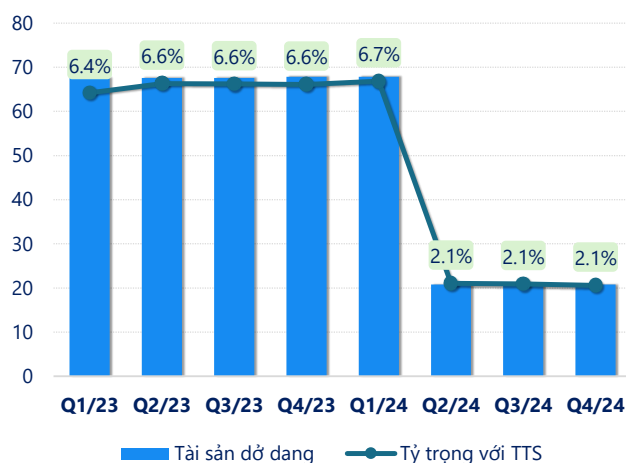
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

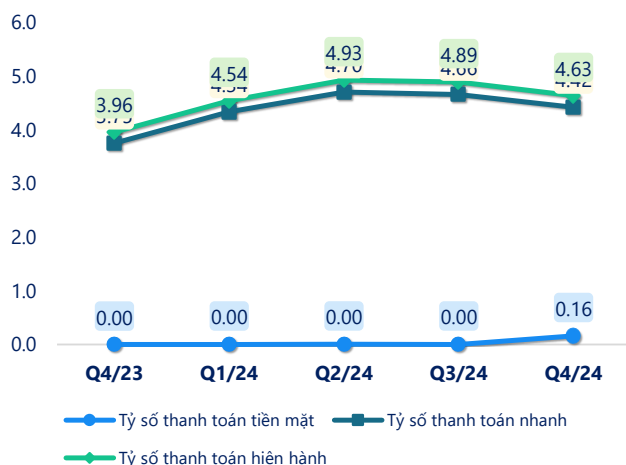
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

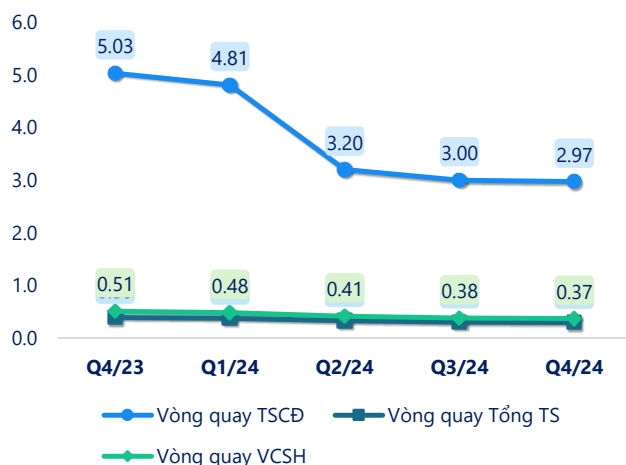
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	1,026	1,015	989	993	1,011
Tài sản ngắn hạn	872	861	838	846	867
Tiền và tương đương tiền	0.18	0.36	0.55	0.41	30.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	823	821	799	802	796
Hàng tồn kho	45.4	39.3	38.0	40.3	40.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.77	0.11	0.42	3.55	0.47
Tài sản dài hạn	155	154	151	147	144
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	82.7	81.7	125	121	118
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	67.9	67.9	20.8	20.8	20.8
Đầu tư tài chính dài hạn	2.75	2.75	2.75	2.75	2.75
Tài sản dài hạn khác	1.46	1.46	2.12	2.48	2.59
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	220	208	188	191	205
Nợ ngắn hạn	220	190	170	173	187
Vay và nợ thuê ngắn hạn	161	146	130	131	143
Phải trả người bán ngắn hạn	19.9	21.4	22.6	22.6	25.9
Nợ dài hạn	0	18.0	18.0	18.0	18.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	806	807	801	802	805
Vốn chủ sở hữu	806	807	801	802	805
Vốn điều lệ	140	140	140	140	140
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)